

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2022/HN-ST

Ngày: 03/3/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thanh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Khoa

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 525A đường N, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Lê Đức Q, sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú: Số nhà 44 đường H, tổ 1, khu phố 5, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
(Bà L và ông Q đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:*

Bà và ông Lê Đức Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Đức Q1, sinh ngày 25/02/2013.

Do thời gian tìm hiểu ngắn nên khi về chung sống, vợ chồng phát hiện có nhiều điểm khác biệt về suy nghĩ, cách sống, không hợp nhau dẫn đến những mâu thuẫn âm ỉ làm rạn nứt tình cảm. Thêm vào đó, vì tính chất công việc, ông Q thường xuyên phải đi công tác xa nhà, ít có thời gian dành cho vợ con nên tình cảm vợ chồng càng thêm nguội lạnh. Từ khoảng năm 2015-2016, vợ chồng ông bà đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, hầu như không liên hệ với nhau.

Nay bà L tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân không thực tế nên bà nộp đơn khởi kiện ly hôn để yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đức Q.

Về con chung: Bà L xác định bà và ông Q có một con chung như trên. Trường hợp ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản tự khai đề ngày 02/11/2021, quá trình làm việc tại Tòa, ông Lê Đức Q trình bày:*

Ông xác định ông và bà Trần Thị Kim L bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sau khi kết hôn, vì tính chất công việc nên hai vợ chồng không chung sống với nhau mà mỗi người sống một nơi. Do đó, giữa vợ chồng thiếu sự giao tiếp, ít quan tâm nhau dần dần đến sự xa cách và tình trạng như hiện nay. Vì thế, ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim L như yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông Q xác định ông và bà L có 01 (một) con chung tên Lê Đức Q1, sinh ngày 25/02/2013. Ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quyền, bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho con, ông không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bản tự khai ngày 21/01/2022 của cháu Lê Đức Q1:* Cháu Quyền xác định có bố tên Lê Đức Q, mẹ tên Trần Thị Kim L. Từ trước đến nay, cháu đều sống với mẹ và hiện vẫn đang sống với mẹ. Mẹ cháu chăm sóc cho cháu rất tốt nên trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

*Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 20/12/2021, bà Trần Thị Kim L nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Lê Đức Q; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy các đương sự vắng mặt nhưng và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt nguyên bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kim L và ông Lê Đức Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21, quyển số 112 do UBND phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L và ông Q đều xác nhận vợ chồng không có nhiều thời gian sống chung, ở gần nhau do tính chất công việc dẫn đến việc vợ chồng thiếu sự giao tiếp, ít có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như điều kiện để vun vén, bồi đắp tình cảm. Do đó, khi có những mâu thuẫn, bất đồng thì càng khiến cho vợ chồng xa cách, không hiểu nhau, rạn nứt tình cảm. Nay bà L và ông Q tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân trên thực tế hầu như không có, việc duy trì quan hệ hôn nhân là không có ý nghĩa nên bà L yêu cầu ly hôn, ông Q nhất trí ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông bà theo hướng đoàn tụ nhưng không thành. Bà L và ông Q thống nhất đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm mà giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Q là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Q là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Q xác định vợ chồng ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Đức Q1, sinh ngày 25/02/2013. Theo sự thống nhất của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quyền cũng như tình hình cư trú, học tập thực tế của cháu, giao cháu Lê Đức Q1 cho bà Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng; ông Q không cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L ly hôn với ông Lê Đức Q.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Đức Q1, sinh ngày 25/02/2013. Giao cháu Lê Đức Q1 cho bà Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Đức Q không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004176 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà L đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND Phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký và đóng dấu)

**Chu Thị Thanh Tâm**